TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày 10/01/2019
V/v: Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Trần Thị Liên
2. Bà : Ngô Thị Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Triều – Kiểm sát viên

Ngày 10/01/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2018/TLST-HNGĐ ngày 18/9/2018, về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/12/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn S,

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. (Có mặt)

2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị P,

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/8/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn Sương trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 04/02/2000. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng đi làm ăn ở Miền Nam, đến năm 2002, về làm nhà sinh sống tại thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị P nghi ngờ anh không chung thủy nên ghen tuông vô cớ, vợ chồng không tin tưởng nhau trong làm

ăn kinh tế dẫn đến hay cãi vã; ngoài ra, anh cho rằng, 2 người không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, lối sống nên không hợp nhau, từ đó không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không khắc phục được, anh bỏ về quê nội sinh sống, do vậy anh làm đơn xin được ly hôn chị Nguyễn Thị P.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị P có 02 con chung tên là Trần Nguyễn Tiến P, sinh ngày 07/10/2002 và Trần Nguyễn Yến V, sinh ngày 25/06/2011, hiện nay 02 cháu đang ở với chị P. Khi ly hôn anh có nguyện vọng giao cả 02 con chung cho chị P trực tiếp nuôi và đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/ cháu cho đến khi các con chung lần lượt tròn 18 tuổi.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh S vẫn giữ nguyên quan điểm: Xin ly hôn chị P, giao 02 con chung cho chị P nuôi dưỡng và anh đồng ý đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị P 1.500.000 đồng/ tháng cho mỗi cháu, anh không yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

Bị đơn chị Nguyễn Thị P trong quá trình Tòa án giải quyết trình bày tại bản tự khai như sau:

Chị và anh Trần Văn S là vợ chồng, đã đăng ký kết hôn như anh S trình bày. Chị cho rằng nguyên nhân cãi vã là do chị có ghen tuông anh S nên có cằn nhằn, vợ chồng không có mâu thuẫn gì xảy ra,chị cho rằng vẫn còn tình cảm với anh S, chị mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái, xây dựng hạnh phúc gia đình nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị thống nhất vợ chồng có 02 con chung như anh S trình bày, khi ly hôn chị có nguyện vọng xin được nuôi 02 con và yêu cầu anh S đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/ cháu cho đến khi các con chung trưởng thành tròn 18 tuổi.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị P trình bày: Nếu anh S cương quyết ly hôn thì chị cũng đồng ý; chị xin được nuôi 02 con chung và yêu cầu anh S đóng góp cấp dưỡng tiền nuôi con chung 1.500.000 đồng / tháng cho mỗi cháu; về chia tài sản chung và nợ chung chị thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh có quan điểm:

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn S được ly hôn với chị Nguyễn Thị P; về con chung: Giao 02 con chung cho chị P trực tiếp nuôi , anh S phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/ cháu cho đến khi con chung tròn 18 tuổi; về chia tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] *Về thẩm quyền*: Đây là vụ án có quan hệ tranh chấp Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự có nơi cư trú tại huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, do vậy, căn cứ Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

[2] *Về tố tụng:* Bị đơn chị Nguyễn Thị P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, do đó phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:*

Theo lời trình bày của các đương sự, anh Trần Văn S và chị Nguyễn Thị P có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 04/02/2000, như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh S, chị P là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật và xã hội công nhận.

Anh S cho rằng mâu thuẫn tình cảm vợ chồng không thể khắc phục được, bởi lẽ vợ chồng không hợp tính tình, lối sống, bất đồng quan điểm, ghen tuông không tin tưởng nhau nên thường xảy ra xung đột, cãi vã, anh trình bày không còn tình cảm với chị P nên cương quyết xin ly hôn, chị P cho rằng còn tình cảm với anh S mong muốn đoàn tụ, nhưng nếu anh S cương quyết ly hôn, chị cũng đồng ý .

Xét tình trạng hôn nhân giữa anh S và chị P: Qua xác minh tại địa phương nơi cư trú, quá trình chung sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn, anh S bỏ về sống tại xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, ngoài ra, Tòa án cũng tiến hành triệu tập chị P nhiều lần đến để tổ chức phiên hòa giải nhưng chị P đều vắng mặt, chứng tỏ chị P không có thiện chí để hàn gắn lại hạnh phúc gia đình. Xét mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó nếu buộc anh chị về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng không cải

thiện được, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh S ly hôn chị P.

[4] *Về nuôi con chung*:

Anh S và chị P thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên là Trần Nguyễn Tiến P, sinh ngày 07/10/2002 và Trần Nguyễn Yến V, sinh ngày 25/06/2011, hiện nay 02 cháu đang ở với chị P. Qua xem xét nguyện vọng của các đương sự về việc trực tiếp nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh S và chị P đã thống nhất về việc giao 02 con chung cho chị P nuôi dưỡng, qua xác minh tại địa phương thì 02 cháu hiện nay đang ở với chị P tại thôn T, xã A, huyện Q, nguyện vọng của 02 cháu cũng xin được ở với mẹ, Hội đồng xét xử xét thấy, nhằm đảm bảo ổn định về điều kiện chăm sóc và sinh sống cho cháu sau khi anh chị ly hôn, nghĩ nên tôn trọng quyền định đoạt của đương sự, giao 02 cháu cho chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, chị P yêu cầu anh S cấp dưỡng 1.500.000 đồng/cháu/tháng, anh S đồng ý, đây là sự thỏa thuận của các đương sự, nghĩ nên chấp nhận, do đó buộc anh S đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/ tháng cho mỗi cháu cho đến khi các cháu lần lượt tròn 18 tuổi là phù hợp với các Điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] *Về chia tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự thống nhất tự thỏa thuận nên không xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí sơ thẩm*: Buộc anh Trần Văn S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Áp dụng các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh Trần Văn S được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

3. *Về nuôi con chung:* Áp dụng các Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình:

Xử: Giao cháu Trần Nguyễn Tiến P, sinh ngày 07/10/2002 và cháu Trần Nguyễn Yến V, sinh ngày 25/06/2011 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, Anh Trần Văn S phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/ tháng cho mỗi cháu cho đến khi các con chung lần lượt tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất tự thỏa thuận nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Anh Trần Văn S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004638 ngày 11/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Anh S phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng)* .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án , đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Đức Long